

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-CR-225 INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-CR-225 BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

STATE OF NORTH CAROLINA TIẾNG BANG NORTH CAROLINA _____ County Quận/Hạt _____ <input type="checkbox"/> Check Here If This Fee Application Covers Multiple Charges Đánh dấu ô vuông nếu đơn này yêu cầu thanh toán phí cho nhiều tội trạng khác nhau	In The General Court Of Justice Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý <input type="checkbox"/> District Tòa Án Khu Vực <input type="checkbox"/> Superior Court Division Phân Bộ Tòa Án Thượng Thẩm	File No. Số Hồ Sơ Additional File No(s). Các Số Hồ Sơ Khác	Provide all case numbers resolved on the same day in the same court before the same judge. Điền vào tất cả các số hồ sơ được xử lý vào cùng một ngày tại cùng một tòa án và trước cùng một thẩm phán
---	---	---	---

Name And Address Of Indigent Client Tên và địa chỉ của thân chủ diện nghèo
Date Attorney Appointed (mm/dd/yyyy) Ngày chỉ định luật sư (tháng/ngày/năm)
Full Social Security No. (required by G.S. 7A-455(d)) Số an sinh xã hội đầy đủ (theo quy định trong điều G.S. 7A-455(d))
<input type="checkbox"/> Has No Social Security No. Không có số an sinh xã hội

NON-CAPITAL CRIMINAL CASE TRIAL LEVEL FEE APPLICATION ORDER FOR PAYMENT JUDGMENT AGAINST INDIGENT ĐƠN YÊU CẦU THANH TOÁN PHÍ LUẬT SƯ CHO VỤ ÁN HÌNH SỰ SƠ THẨM KHÔNG PHẠT TỬ HÌNH LỆNH THANH TOÁN PHÁN QUYẾT YÊU CẦU NGƯỜI NGHÈO THANH TOÁN

G.S. Ch. 7A, Art. 36; G.S. 122C-268(d), -286(d)
G.S. Ch. 7A, Art. 36; G.S. 122C-268(d), -286(d)

NOTE: Use this form ONLY for non-capital criminal cases at the trial level - i.e. only for cases with a CR or CRS case caption. DO NOT use this form for non-criminal cases at the trial level, potentially capital cases at the trial level, appeals to the Court of Appeals or Supreme Court, or capital post-conviction cases. Attorneys should consult IDS Rule 1.9(a)(1a) for deadlines on the submission of final fee applications, as well as IDS' billing policies, available at www.ncids.org.

LƯU Ý: CHỈ dùng mẫu này cho các vụ án hình sự không tử hình tại tòa án sơ thẩm - tức là các vụ án có chữ CR hay CRS trong đầu đề hồ sơ vụ án. KHÔNG dùng mẫu này cho các vụ án không phải hình sự tại tòa án sơ thẩm, các vụ án có thể dẫn đến tử hình tại tòa án sơ thẩm, các hồ sơ kháng cáo lên Tòa Án Phúc Thẩm hoặc Tòa Án Tối Cao, hoặc các thủ tục tòa án sau khi bị tuyên án tử hình. Các luật sư nên tham khảo Quy Định IDS 1.9(a)(1a) để biết thời hạn nộp đơn yêu cầu thanh toán phí cuối cùng cũng như các chính sách của IDS về hóa đơn. Quy định này được đăng sẵn trên trang web www.ncids.org.

INSTRUCTIONS: Applicant completes and signs all applicable portions of Section I. The trial judge completes Sections II and III and signs Section IV to award payment or fix value of services and enter the appropriate judgments. If no judgments are to be entered, the trial judge must so indicate in Section III. Clerk mails private appointed counsel fee applications to: IDS Financial Services Office, Courier Box 56-10-50, Raleigh, NC, OR if courier is not available, mail to P.O. Box 2448, Raleigh, NC 27602.

HƯỚNG DẪN: Người nộp đơn phải điền đầy đủ và ký tên vào tất cả các phần thích hợp trong Phần I. Thẩm phán sơ thẩm sẽ điền đầy đủ các Phần II và III và ký Phần IV để chấp nhận thanh toán hoặc xác định giá trị của các dịch vụ và ban hành các phán quyết cần thiết. Nếu không cần ban hành phán quyết nào, thẩm phán sơ thẩm phải ghi nhận điều này trong Phần III. Lục sự sẽ gửi đơn yêu cầu thanh toán phí luật sư tư nhân được chỉ định đến: IDS Financial Services Office, Courier Box 56-10-50, Raleigh, NC, HOẶC nếu không có dịch vụ đưa thư, hãy gửi qua bưu điện đến địa chỉ P.O. Box 2448, Raleigh, NC 27602.

I. APPLICATION
I. YÊU CẦU

I, the undersigned assigned counsel public defender IDS contract counsel, make application for payment and reimbursement of necessary expenses incurred, or for determination of value of services rendered for the indigent. I certify that this information is correct to the best of my knowledge.

Tôi, người ký tên dưới đây, là luật sư được chỉ định luật sư công luật sư hợp đồng với IDS, bây giờ xin yêu cầu được trả phí dịch vụ và bồi hoàn các công tác phí cần thiết mà tôi đã tự trả, hoặc yêu cầu tòa án xác định giá trị của các dịch vụ được cung cấp cho người nghèo này. Với tất cả sự hiểu biết của tôi, tôi xác nhận rằng thông tin này là chính xác.

MOST SERIOUS ORIGINAL CHARGE AND MOST SERIOUS DISPOSITION: Check ONE box in each of the three following columns.

TỘI TRẠNG BAN ĐẦU NẶNG NHẤT VÀ KẾT QUẢ XỬ LÝ NẶNG NHẤT: Đánh dấu MỘT ô vuông trong từng cột dưới đây.

1. Original Charge (most serious offense) 1. Tội Trạng Ban Đầu (tội nặng nhất) <input type="checkbox"/> Felony Offense Tội đại hình Must Indicate Felony Class: _____ Phải nêu rõ cấp bậc đại hình: _____ Name of Offense: _____ Tên tội trạng: _____ <input type="checkbox"/> Felony Probation Violation Vi phạm lệnh quản chế bậc đại hình	2. Disposition (most serious disposition) 2. Kết Quả (kết quả xử lý nặng nhất) <input type="checkbox"/> Guilty Plea Before Trial: Most Serious Original Charge Nhận tội trước khi xét xử: Tội trạng ban đầu nặng nhất <input type="checkbox"/> Guilty Plea Before Trial: Other Offense Nhận tội trước khi xét xử: Tội trạng khác Name Of Offense: _____ Tên tội trạng: _____ <input type="checkbox"/> Guilty Plea During Trial: Other Offense Nhận tội tại phiên xử: Tội trạng khác Name of Offense: _____ Tên tội trạng: _____	3. Judgment & Sentencing (most serious) 3. Phán Quyết và Tuyên Án (bản án nặng nhất) <input type="checkbox"/> Active Sentence Án tù Length of Sentence: _____ Thời gian phạt tù: _____ <input type="checkbox"/> Split Sentence Bản án kết hợp phạt tù và quản chế <input type="checkbox"/> Supervised Probation Án quản chế có giám sát <input type="checkbox"/> Unsupervised Probation Án quản chế không có giám sát
---	--	--

(Over)
(Continue)

<input type="checkbox"/> Misdemeanor Offense (Non-Traffic) Tội tiểu hình (không phải vi phạm giao thông) <i>Must Indicate Misd. Class: _____</i> <i>(if Class 3, attach Order of Assignment)</i> Phải nêu rõ cấp bậc tiểu hình: _____ <i>(nếu Bậc 3, đính kèm Lệnh Chỉ Định Luật Sư)</i>	<input type="checkbox"/> Trial: Guilty Most Serious Original Charge Phiên xử: Phán quyết có tội ban đầu nặng nhất	<input type="checkbox"/> Probation Terminated Chấm dứt án quản chế
<input type="checkbox"/> Misdemeanor Probation Violation Vi phạm lệnh quản chế bậc tiểu hình	<input type="checkbox"/> Trial: Guilty Other Offense Phiên xử: Phán quyết có tội khác <i>Name of Offense: _____</i> <i>Tên tội trạng: _____</i>	<input type="checkbox"/> PJC Yêu cầu tạm ngừng bản án
<input type="checkbox"/> DWI Lái xe trong tình trạng say rượu/ thuốc	<input type="checkbox"/> Trial: Acquitted Phiên xử: Được trắng án	<input type="checkbox"/> Fines and Costs Only Chỉ trả tiền phạt và án phí
<input type="checkbox"/> Other Traffic Vi phạm giao thông khác <i>Must Indicate Misd. Class: _____</i> <i>(if Class 3, attach Order of Assignment)</i> Phải nêu rõ cấp bậc tiểu hình: _____ <i>(nếu Bậc 3, đính kèm Lệnh Chỉ Định Luật Sư)</i>	<input type="checkbox"/> Probation Violation Found Xác nhận việc vi phạm lệnh quản chế	<input type="checkbox"/> None (Acquitted/Dismissed) Không tuyên án (được trắng án/bác bỏ tội trạng)
<input type="checkbox"/> Criminal Contempt Tội coi thường tòa án hình sự	<input type="checkbox"/> Dismissed <u>With</u> Leave <input type="checkbox"/> Dismissed <u>Without</u> Leave Bác bỏ <u>có</u> quyền Bác bỏ <u>không có</u> quyền truy tố lại	<input type="checkbox"/> None (Deferred/Diverted) Không tuyên án (được hoãn/miễn tố có điều kiện)
<input type="checkbox"/> Treatment Court <i>(in columns 2 and 3, check Other)</i> Tòa Án Phán Quyết Điều Trị Nghiện <i>(đánh dấu ô "Khác" ở cột 2 và 3)</i>	<input type="checkbox"/> FTA/OFA <u>Without</u> Dismissal Trốn tòa/Lệnh bắt giữ mà <u>không</u> được bác bỏ	<input type="checkbox"/> None (Attorney Withdrew) Không tuyên án (luật sư rút lui)
<input type="checkbox"/> Satellite-Based Monitoring Hearing <i>(in columns 2 and 3, check Other)</i> Phiên tòa về việc theo dõi bằng vệ tinh <i>(đánh dấu ô "Khác" ở cột 2 và 3)</i>	<input type="checkbox"/> Deferred/Diverted Hoãn tố/Miễn tố có điều kiện	<input type="checkbox"/> None (Interim Fee) Chưa có kết quả (Yêu cầu thanh toán một phần chi phí)
<input type="checkbox"/> Non-Capital Motion For Appropriate Relief <i>(in columns 2 and 3, check Other)</i> Kiến nghị yêu cầu bảo vệ quyền lợi thích hợp trong vụ án không tử hình <i>(đánh dấu ô "Khác" ở cột 2 và 3)</i>	<input type="checkbox"/> Held In Criminal Contempt Xác nhận có tội coi thường tòa án hình sự	<input type="checkbox"/> Other*: _____ <i>*(Check only if none of the above)</i> Khác*: _____ <i>*(Chỉ đánh dấu vào ô này nếu không chọn một trong các ô trên)</i>
<input type="checkbox"/> Other*: _____ <i>*(Check only if none of the above)</i> Khác*: _____ <i>*(Chỉ đánh dấu vào ô này nếu không chọn một trong các ô trên)</i>	<input type="checkbox"/> No Probable Cause Không có cơ sở chính đáng	<input type="checkbox"/> Other*: _____ <i>*(Check only if none of the above)</i> Khác*: _____ <i>*(Chỉ đánh dấu vào ô này nếu không chọn một trong các ô trên)</i>
<input type="checkbox"/> Attorney Withdrew <i>(reason): _____</i> Luật sư rút lui (lý do): _____	<input type="checkbox"/> None (Interim Fee) Chưa có kết quả (Yêu cầu thanh toán một phần chi phí)	<input type="checkbox"/> Other*: _____ <i>*(Check only if none of the above)</i> Khác*: _____ <i>*(Chỉ đánh dấu vào ô này nếu không chọn một trong các ô trên)</i>

FINAL FEES ONLY: DANH CHO TRƯỞNG HỢP THANH TOÁN PHÍ CUỐI CÙNG:	<i>Disposition Date (mm/dd/yyyy)</i> Ngày xử lý (tháng/ngày/năm)	<input type="checkbox"/> Check here if you were appointed to represent this defendant in another case(s) at the time of the appointment to this case(s) and you already submitted a fee application for that case(s) in which the attorney appointment fee was charged. Đánh dấu vào ô này nếu quý vị đang đại diện cho bị cáo này trong (các) vụ án khác theo chỉ định của tòa cùng lúc được chỉ định cho (các) vụ án này, và quý vị đã nộp đơn yêu cầu được thanh toán phí luật sư cho (các) vụ án mà tòa án đã tính phí chỉ định luật sư cho bị cáo.
---	--	---

COMPLETE FOR THIS FEE: <i>(Attach detailed time sheets when required by judge. Time must be reported in decimals, not minutes.)</i>	<i>Beginning Date This Fee Request (mm/dd/yyyy)</i> Ngày bắt đầu cung cấp dịch vụ trong đơn yêu cầu thanh toán này (tháng/ngày/năm)	<i>Ending Date This Fee Request (mm/dd/yyyy)</i> Ngày kết thúc cung cấp dịch vụ trong đơn yêu cầu thanh toán này (tháng/ngày/năm)	<i>Date First Substantive Client Interview (mm/dd/yyyy)</i> Ngày chính thức phỏng vấn thân chủ lần đầu tiên (tháng/ngày/năm)	<i>Prior Total Fees And Expenses Allowed</i> Tổng số phí dịch vụ và công tác phí được cho phép từ trước đây	
				\$	
DIỄN THÔNG TIN VỀ ĐƠN YÊU CẦU THANH TOÁN NÀY: (Đính kèm giấy ghi giờ chi tiết nếu thăm phán yêu cầu. Phải ghi giờ theo dạng số thập phân, chứ không phải dạng phút.)	<i>Name Of Judge Setting Fee</i> Tên thẩm phán quy định mức phí	<i>Time In Court</i> Thời gian làm việc trên tòa án	<i>Time In Court Waiting</i> Thời gian chờ đợi trên tòa án	<i>Time Out Of Court</i> Thời gian làm việc ngoài tòa án	<i>Total Time Claimed This Fee</i> Tổng số thời gian được yêu cầu thanh toán trong đơn này
<i>Travel</i> Đi lại	<i>(no. of miles)</i> (số dặm Anh)	<i>Copying</i> Sao chép tài liệu	<i>(if in house, no. of copies)</i> (nếu làm tại văn phòng, cho biết số bản sao)	<i>Other (attach receipts if >\$25)</i> Phí khác (đính kèm hóa đơn nếu >25\$)	<i>Total Expenses</i> Tổng số công tác phí
\$		\$		\$	\$

NOTE: In assigned counsel cases, the applicant is always the individual attorney. If payment is to be made to individual applicant, write "same" under Payee and give applicant's taxpayer ID No. (Federal Employer ID No. or, if no Federal Employer ID, SSN). If payment is to be made to applicant's firm, give firm name as Payee and firm's taxpayer ID No.

LƯU Ý: Trong các vụ án có luật sư được chỉ định, người nộp đơn luôn là một luật sư cá nhân. Nếu thanh toán cho một cá nhân, hãy ghi "như trên" vào mục "Người nhận tiền" và cho biết số ID đóng thuế (Số ID Nhân Viên Liên Bang hoặc nếu không có thì Số An Sinh Xã Hội) của người đó. Nếu thanh toán cho văn phòng của người nộp đơn, ghi tên văn phòng luật sư vào mục "Người nhận tiền" và cho biết số ID đóng thuế của văn phòng.

(Over)
(Xem mặt sau)

Name Of Applicant Tên của người nộp đơn		Address Địa chỉ	
Payee (see Note) Người nhận tiền (xem ghi chú trên)			
Taxpayer ID No. (see Note) Số ID đóng thuế (xem ghi chú trên)	Telephone No. Số điện thoại		
Email Address Địa chỉ email	Date (mm/dd/yyyy) Ngày (tháng/ngày/năm)	Signature Of Applicant Chữ ký của người nộp đơn	

**II. ORDER TO PAY OR FIX VALUE OF SERVICES
II. LỆNH THANH TOÁN HOẶC XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ CỦA DỊCH VỤ**

Based on the Findings of Fact set out in Section III, the Court ORDERS that the "Total Amount" stated on Line 4 below be:
Căn cứ vào Các Sự Kiện Được Xác Nhận ghi rõ trong Phần III, Tòa Án RA LỆNH rằng "Tổng số tiền" ghi vào Mục 4 dưới đây là:

- (Assigned Counsel) paid by the State of North Carolina to the payee named above.
(Đối với luật sư được chỉ định) được Tiểu Bang North Carolina thanh toán cho người nhận tiền nêu trên.
- (Public Defender/IDS Contractor) fixed as the value of legal services and other expenses of representation rendered by the applicant named above.
(Đối với luật sư công/luật sư hợp đồng với IDS) được xác định là giá trị của dịch vụ đại diện và các chi phí liên quan khác mà người nộp đơn nêu trên cung cấp cho bị cáo.

1. Hours Approved By The Court 1. Số giờ được tòa án chấp nhận	
2. Fees Allowed/Value Of Services Rendered 2. Mức phí cho phép/Giá trị dịch vụ được cung cấp	(Hours Approved x IDS Rate) = (Số giờ được chấp nhận x mức phí IDS) = \$
3. Other Necessary Expenses Allowed By The Court 3. Các công tác phí cần thiết khác được tòa án cho phép	\$
4. TOTAL AMOUNT 4. TỔNG SỐ TIỀN	\$

**III. FINDINGS OF FACT AND JUDGMENTS
III. CÁC SỰ KIỆN ĐƯỢC XÁC NHẬN VÀ PHÁN QUYẾT**

After due notice to the defendant named on the reverse and opportunity to be heard, the Court finds that the defendant has previously been adjudged to be indigent; that he/she requested and has been provided counsel and other necessary expenses of representation; and that the applicant named on the reverse provided services and incurred expenses of which the money value is that stated in Line 4 of Section II, plus any interim fees listed in the box in Section I labeled "Prior Total Fees And Expenses Allowed."

Sau khi thông báo đúng cách cho và tạo cơ hội để nghe ý kiến của bị cáo có tên ở mặt sau, Tòa Án xác nhận rằng trước đây bị cáo đã được xác nhận là người nghèo; đã yêu cầu và được chỉ định luật sư cũng như được cung cấp các chi phí cần thiết khác liên quan đến dịch vụ đại diện; và rằng người nộp đơn có tên ở mặt sau đã cung cấp dịch vụ và trả các công tác phí có giá trị như được nêu ở Mục 4 Phần II, cộng với bất kỳ khoản thanh toán một phần nào được ghi trong Phần I ở khung "Tổng số phí dịch vụ và công tác phí được cho phép từ trước đây."

NOTE: Sign Section IV to enter judgments against the indigent defendant for the full value of attorney fees and expenses plus the attorney appointment fee. If no judgments are to be entered, or judgments are to be entered for a different amount, the trial court must fill in the appropriate blanks below. When entering Judgment #1, the trial court should verify the amount of any interim fees awarded.

LƯU Ý: Ký tên vào Phần IV để ban hành phán quyết yêu cầu bị cáo nghèo thanh toán toàn bộ phí dịch vụ và công tác phí của luật sư cộng với phí chỉ định luật sư. Nếu không cần ban hành phán quyết nào, hoặc nếu ban hành nhiều phán quyết yêu cầu thanh toán các số tiền khác nhau, tòa án sơ thẩm phải điền vào các chỗ trống thích hợp dưới đây. Khi điền vào Phán Quyết #1, tòa án phải xác nhận số chi phí thanh toán một phần, nếu có.

NOTE: To enter Judgment #1 against a parent/responsible person pursuant to G.S. 7A-450.1 et seq., a separate order must be entered (may be modeled after Section III of form AOC-G-200).

LƯU Ý: Nếu cần ban hành Phán Quyết #1 đối với một phụ huynh/người chịu trách nhiệm khác chiếu theo điều G.S. 7A-450.1 trở đi, Tòa Án phải ra lệnh riêng (có thể phỏng theo Phần III của mẫu AOC-G-200).

JUDGMENT #1 (Attorney Fees and Expenses) Based on the above findings, it is ORDERED that the State of North Carolina recover from the indigent defendant the TOTAL AMOUNT stated in Line 4 of Section II, plus any interim fees listed in the box in Section I labeled "Prior Total Fees And Expenses Allowed," together with interest at the legal rate from the date the judgment is docketed until paid, **UNLESS** one of the following boxes is checked:

PHÁN QUYẾT #1 (Phí Luật Sư và Công Tác Phí) Căn cứ vào các sự kiện được xác nhận trên đây, Tòa Án RA LỆNH cho Tiểu Bang North Carolina thu từ bị cáo nghèo TỔNG SỐ TIỀN nêu trong Dòng 4, Phần II cùng với bất kỳ phần chi phí nào được ghi trong khung "Tổng số phí dịch vụ và công tác phí được cho phép từ trước đây" ở Phần I, cộng với lãi suất theo mức pháp định tính từ ngày ghi phán quyết vào quyển ghi án của tòa cho tới khi bị cáo thanh toán đầy đủ, **TRỪ KHI** một trong các ô dưới đây được đánh dấu:

(Over)
(Xem mặt sau)

1. This is an interim fee or this case is still pending, and no judgment shall be entered at this time (*this order shall be brought to the attention of the presiding judge at the time of final disposition*); or
1. Đây là đơn yêu cầu thanh toán một phần chi phí hoặc vụ án này vẫn đang xử lý nên Tòa Án chưa ban hành phán quyết vào lúc này (*phải yêu cầu thẩm phán chủ tọa phiên tòa xử lý cuối cùng lưu ý tới lệnh này*); hoặc
2. The defendant was not convicted of a criminal offense and no judgment for attorney fees and expenses shall be entered; or
2. Bị cáo không bị kết án tội hình sự và Tòa Án không ban hành phán quyết thanh toán phí luật sư và công tác phí; hoặc
3. Other: _____
3. Phán quyết khác: _____

JUDGMENT #2 (Attorney Appointment Fee) It is further ORDERED that the State of North Carolina recover from the indigent defendant the attorney appointment fee pursuant to G.S. 7A-455.1, which shall be \$50 for convictions prior to October 1, 2010, and \$60 for convictions on or after October 1, 2010, **UNLESS** one of the following boxes is checked:

PHÁN QUYẾT #2 (Phí Chỉ Định Luật Sư) Ngoài ra Tòa Án cũng RA LỆNH cho Tiểu Bang North Carolina thu từ bị cáo nghèo khoản phí chỉ định luật sư chiếu theo điều G.S. 7A-455.1, là 50\$ đối với các bản án trước ngày 01 Tháng Mười 2010 và 60\$ đối với các bản án vào hoặc sau 01 Tháng Mười 2010, **TRỪ KHI** một trong các ô dưới đây được đánh dấu:

1. This is an interim fee or this case is still pending, and no judgment shall be entered at this time; or
1. Đây là đơn yêu cầu thanh toán một phần chi phí hoặc vụ án này vẫn đang xử lý nên Tòa Án chưa ban hành phán quyết vào lúc này; hoặc
2. The defendant was not convicted of a criminal offense and no judgment for the attorney appointment fee shall be entered; or
2. Bị cáo không bị kết án tội hình sự và Tòa Án không ban hành phán quyết thanh toán phí chỉ định luật sư; hoặc
3. The attorney named on the reverse was appointed to represent the defendant in another case(s) at the time of the appointment to this case(s) and he or she already submitted a fee application for that case(s) in which the attorney appointment fee was charged. (*see Section I, "Final Fees Only," on the reverse*).
3. Luật sư nêu tên ở mặt trước đang đại diện cho bị cáo này trong (các) vụ án khác theo chỉ định của tòa cùng lúc được chỉ định cho (các) vụ án này, và luật sư đã nộp đơn yêu cầu được thanh toán phí luật sư cho (các) vụ án mà tòa án đã tính phí chỉ định luật sư cho bị cáo (*xem Phần I, "Dành Cho Trường Hợp Thanh Toán Phí Cuối Cùng" ở mặt trước*).

IV. SIGNATURE OF JUDGE
IV. CHỮ KÝ CỦA THẨM PHÁN

By signing below, the Court enters an ORDER TO PAY APPLICANT OR FIX VALUE OF SERVICES in the amount indicated in Section II on the reverse, which shall be entered and filed this day in the office of the Clerk of Superior Court. Unless no judgment is ordered in Section III above, the Court further Orders that the FINDINGS and JUDGMENTS shall be entered and filed this day in the office of the Clerk of Superior Court. The Judgments shall become effective as provided by law.

Khi ký tên dưới đây, Tòa Án ban hành LỆNH THANH TOÁN CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN HOẶC XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ CỦA DỊCH VỤ với số tiền ghi trong Phần II ở mặt trước. Lệnh này sẽ được ghi vào sổ ghi án của tòa và đăng bạ tại phòng Lục Sự Tòa Thượng Thẩm ngay hôm nay. Trừ phi không ghi phán quyết nào ở Phần III trên, Tòa Án cũng ra Lệnh rằng các SỰ KIẾN ĐƯỢC XÁC NHẬN và PHÁN QUYẾT trên được ghi vào sổ ghi án của tòa và đăng bạ tại phòng Lục Sự Tòa Thượng Thẩm ngay hôm nay. Các phán quyết sẽ có hiệu lực theo quy định luật pháp.

Date (mm/dd/yyyy)
Ngày (tháng/ngày/năm)

Name Of Judge (type or print)
Tên của Thẩm Phán (đánh máy hay viết chữ in)

Signature Of Judge
Chữ ký của Thẩm Phán

V. DOCKETING - CSC USE ONLY
V. QUYỀN GHI ÁN - CHỈ DÀNH CHO LSTTT

NOTE: Docket any judgments immediately on the date on which the defendant's conviction becomes final, unless the defendant is ordered as a condition of supervised or unsupervised probation to pay the State for the costs of his/her representation. If the defendant is so ordered, docket any judgments immediately on the date the defendant's probation is revoked or terminated by the Court, or when the term of probation expires, whichever occurs first; then docket the amounts owed.

LƯU Ý: Các phán quyết phải được ghi vào quyền ghi án ngay vào ngày xác nhận bản án cuối cùng, trừ phi bị cáo được lệnh quản chế có hay không có giám sát với điều kiện phải thanh toán cho Tiểu Bang chi phí luật sư đại diện cho mình. Nếu bị cáo được lệnh như thế, hãy ghi các phán quyết vào quyền ghi án ngay vào ngày Tòa Án thu hồi hoặc bác bỏ lệnh quản chế hoặc vào ngày lệnh quản chế hết hạn, tùy theo thời điểm nào tới trước; sau đó mới ghi số tiền còn thiếu vào quyền ghi án.

Date (mm/dd/yyyy)
Ngày (tháng/ngày/năm)

Time
Giờ AM PM
Sáng Chiều

Judgment #1 Judgement Abstract No.
Phán Quyết #1 Trích Lục Phán Quyết Số

Amount Docketed
Số Tiền Ghi
\$

Judgment #2 Judgement Abstract No.
Phán Quyết #2 Trích Lục Phán Quyết Số

Amount Docketed
Số Tiền Ghi
\$

NOTE TO CLERK: If Judgment #2 has been ordered by the Court, docket \$50 if the Disposition Date on Side One is before October 1, 2010, and docket \$60 if the Disposition Date on Side One is on or after October 1, 2010.

LỤC SỰ XIN LƯU Ý: Nếu Tòa Án ban hành Phán Quyết #2, hãy ghi 50\$ nếu ngày xử lý ghi ở Mặt Một trước ngày 01 Tháng Mười 2010, và ghi 60\$ nếu ngày xử lý ghi ở Mặt Một vào hay sau ngày 01 Tháng Mười 2010.